

Số: /GPMT-UBND Khánh Hòa, ngày tháng 02 năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 11/2022/QH15, Luật số 16/2023/QH15, Luật số 18/2023/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 54/2024/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 671/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc ủy quyền thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty Cổ phần

Hoàn Cầu Nha Trang tại Văn bản số 301/CV-HCNT ngày 30 tháng 01 năm 2026 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 94/TTr-SNNMT-CCKSBVMT ngày 05 tháng 02 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Hoàn Cầu Nha Trang, địa chỉ tại thôn Phước Hạ, phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Khu du lịch và giải trí Nha Trang” tại thôn Phước Hạ, phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Khu du lịch và giải trí Nha Trang.

1.2. Địa điểm hoạt động: thôn Phước Hạ, phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư/giấy tờ tương đương: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 4200541620 cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2003, cấp điều chỉnh lần thứ 29 ngày 02 tháng 05 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) tỉnh Khánh Hòa cấp.

1.4. Mã số thuế: 4200541620

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: khu du lịch nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí; căn hộ, biệt thự du lịch.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí tương đương với dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Diện tích của cơ sở: Tổng diện tích đất 155,2 ha.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Hoàn Cầu Nha Trang được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Hoàn Cầu Nha Trang có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở theo kế hoạch đã đề xuất sau khi được cấp giấy phép môi trường để đánh giá sự phù hợp và đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

2.5. Chậm nhất 10 ngày sau khi được cấp giấy phép môi trường, Chủ cơ sở có trách nhiệm công khai giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Chủ cơ sở hoặc tại trụ sở UBND phường Nam Nha Trang.

2.6. Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu, dữ liệu và kết quả tính toán trong giấy phép môi trường; việc nghiệm thu các công trình xây dựng theo quy định của Luật Xây dựng; phòng cháy và chữa cháy theo quy định của Luật Phòng cháy chữa cháy và các lĩnh vực khác có liên quan.

2.7. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND phường Nam Nha Trang nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.8. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 07 năm kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành.

Điều 4. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Đoàn kiểm tra¹ chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường cho Dự án nêu trên; đồng thời bảo đảm rằng các nội dung và yêu cầu về bảo vệ môi trường được quy định tại các Phụ lục kèm theo Giấy phép môi trường này phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật có liên quan

Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận: (VBĐT)

- Công ty Cổ phần Hoàn Cầu Nha Trang;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND phường Nam Nha Trang;
- TT Công báo và Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VP, TH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Huyền

¹ Theo Quyết định số 66/QĐ-SNNMT ngày 05/02/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND
ngày tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của cán bộ, nhân viên, khách du lịch tại Khu khách sạn và Biệt thự (Resort 2).
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt của cán bộ, nhân viên, khách du lịch tại Khu sân golf 18 lỗ.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Nguồn số 1: Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý nước thải công suất 500 m³/ngày đêm sẽ được đưa về mương hở dẫn ra khu vực nước biển ven bờ (thuộc phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa)

Nguồn số 2: Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý nước thải công suất 150 m³/ngày đêm sẽ được đưa về mương hở dẫn ra khu vực nước biển ven bờ (thuộc phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa)

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Tại điểm cuối của đường ống dẫn nước thải sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải công suất 500 m³/ngày đêm vào Mương hở của Cơ sở.
- Tại điểm cuối của đường ống dẫn nước thải sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải công suất 150 m³/ngày đêm vào Mương hở của Cơ sở.
- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 108^o15', múi chiếu 3^o):

Vị trí	X (m)	Y (m)
Tại điểm cuối của đường ống dẫn nước thải sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải công suất 500m ³ /ngày đêm vào Mương hở của Cơ sở.	1346697	601898
Tại điểm cuối của đường ống dẫn nước thải sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải công suất 150m ³ /ngày đêm vào Mương hở của Cơ sở.	1346726	601878

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:

- Nguồn số 1: 500 m³/ngày đêm.
- Nguồn số 2: 150 m³/ngày đêm.

2.4. Phương thức xả nước thải: Tự chảy

2.5. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ)

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải QCVN 14:2025/BTNMT (Cột A) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 – 9	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅ ở 20°C)	mg/L	≤ 30		
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	≤ 80		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	≤ 50		
5	Amoni (N-NH ₄ ⁺), tính theo N	mg/L	≤ 6,0		
6	Tổng Nitơ (T-N)	mg/L	≤ 25		
7	Tổng Phốt pho (T-P)	mg/L	≤ 4		
8	Tổng Coliform	MPN/100 mL	≤ 3.000		
9	Sulfua (S ²⁻)	mg/L	≤ 0,2		
10	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	≤ 10		
11	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/L	≤ 3,0		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của cán bộ, nhân viên, khách du lịch tại các dãy nhà văn phòng làm việc, khu vực nhà hàng, khu vực lưu trú Khu khách sạn và Biệt thự (Resort 2) sau khi qua bể tự hoại 3 ngăn được dẫn vào Hệ thống xử lý nước thải công suất 500 m³/ngày đêm.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt của cán bộ, nhân viên, khách du lịch tại các dãy nhà văn phòng làm việc, khu vực nhà hàng, khu vực lưu trú khu sân golf 18 lỗ sau khi qua bể tự hoại 3 ngăn được dẫn vào Hệ thống xử lý nước thải công suất 150 m³/ngày đêm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

Đối với nguồn số 01:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải nhà vệ sinh qua bể tự hoại, nước tắm rửa, nước thải từ nhà ăn qua bể tách dầu → Bể thu gom → Bể điều hoà → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Mương hở → Nguồn tiếp nhận nước biển ven bờ.

- Công suất thiết kế: 500 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOCl (10%) (39.969 kg/năm).

Đối với nguồn số 02:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải nhà vệ sinh qua bể tự hoại, nước tắm rửa, nước thải từ nhà ăn qua bể tách dầu → Bể thu gom → Bể điều hoà → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Mương hở → Nguồn tiếp nhận nước biển ven bờ.

- Công suất thiết kế: 150 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOCl (10%) (7.994 kg/năm).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý như máy bơm, bơm định lượng, máy thổi khí, máy nén khí.

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý nước thải đúng quy trình.

- Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và thoát nước thải.

- Trường hợp mất điện lưới: Khi điện lưới mất, lập tức máy phát điện dự phòng phục vụ quá trình xử lý sẽ vận hành bình thường.

- Khi một trong các bể gặp sự cố phải ngưng hoạt động của trạm xử lý nước thải sẽ báo ngay cho cán bộ, công nhân vận hành phụ trách công tác kiểm tra mạng lưới cấp, thoát nước của toàn công trình, đặc biệt là mạng lưới thoát nước thải.

- Sử dụng bể nước ngầm dung tích 5.000 m³ khi hệ thống xử lý nước thải công suất 500 m³/ngày đêm gặp sự cố và hồ điều hoà lót bạt với dung tích khoảng 10.000 m³ sử dụng khi hệ thống xử lý nước thải công suất 150 m³/ngày đêm gặp sự cố.

- Quy trình vận hành của hồ sự cố: Sự cố xảy ra tại hệ thống xử lý nước thải → Ngưng vận hành hệ thống xử lý → Nước thải được bơm vào hồ điều hoà/bể nước ngầm → Khắc phục hệ thống xử lý nước thải → Xử lý 100% nước thải phát sinh hằng ngày + 10% nước thải từ hồ sự cố → Kiểm tra mẫu nước thải sau xử lý → Tiếp tục bơm và xử lý toàn bộ nước thải từ hồ sự cố trong 10 ngày.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Cơ sở không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (*được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ*).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại điểm 7 và điểm 8 khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại điểm 5 khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

3.5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục./.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND
ngày tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn:

- Phòng đặt máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 500m³/ngày đêm
- Phòng đặt máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150m³/ngày đêm

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

Ghi chú: Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027, tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của cơ sở phải đáp ứng quy định tại QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (ban hành kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BNNMT ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành 03 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường xung quanh).

2.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

Ghi chú: Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027, độ rung phát sinh từ hoạt động của cơ sở phải đáp ứng quy định tại QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (ban hành kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-

BNNMT ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành 03 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường xung quanh).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Thường xuyên bảo trì các máy móc thiết bị có khả năng gây tiếng ồn cao, thay thế các chi tiết bị mòn, rơ...

1.2. Trang bị thiết bị bảo hộ lao động như nút tai cho công nhân làm việc tại các vị trí có phát sinh tiếng ồn.

1.3. Bọc các thiết bị chịu rung động bằng các vật liệu hút và giảm rung động có nội ma sát như cao su, amiăng, chất dẻo...

1.4. Sử dụng bộ giảm rung bằng lò xo hoặc cao su để cách rung động.

1.5. Sử dụng các loại lớp phủ cứng hoặc mềm để hút rung động.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND
ngày tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1.	Dầu nhiên liệu và diesel thải	Rắn	500	17 06 01
2.	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn gốc khoáng thải không chứa clo	Rắn	200	17 02 02
3.	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	70	16 01 06
4.	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn/Lỏng	200	18 02 01
5.	Bao bì thuốc bảo vệ thực vật	Rắn	500	14 01 05
6.	Bao bì mềm thải	Rắn	300	18 01 01
7.	Pin, ắc quy thải	Rắn	2.000	16 01 12
8.	Sơn thải	Rắn	1.200	08 01 01
9.	Hộp mực in thải	Rắn	10	08 02 04
10.	Bao bì kim loại cứng	Rắn	20	18 01 02
Tổng			5.000	-

1.2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: lượng bùn dư từ hệ thống xử lý nước thải và bùn từ bể tự hoại khi phát sinh. Khối lượng khoảng 50 kg/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 1.125.000 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thiết bị lưu chứa:

+ Đối với chất thải rắn được lưu chứa trong thùng nhựa có nắp đậy, có dán tên và mã chất thải.

+ Đối với các chất thải lỏng khác, được lưu chứa trong phuy kim loại, có nắp đậy có dán tên và mã chất thải.

2.1.2. Kho lưu chứa trong nhà

- Diện tích kho lưu chứa trong nhà: 10 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa trong nhà: Kho có nền bê tông không bị thấm thấu và có gờ chống tràn tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ chất thải nguy hại; có dán nhãn, có biển cảnh báo, các thiết bị ứng phó sự cố, kết cấu đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Chất thải nguy hại sau khi lưu giữ hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định; khai báo khối lượng và tình hình quản lý chất thải nguy hại trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường:

- Bùn thải sẽ được lưu vào bể chứa bùn, khi đầy sẽ được gọi xe chuyên dụng đến hút và đưa đi xử lý.

- Không bố trí thiết bị lưu chứa và kho lưu chứa.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa có nắp đậy.

2.3.2. Khu vực tập kết:

Chất thải sinh hoạt được thu gom và lưu giữ tại một kho chuyên dụng với diện tích khoảng 15 m², được thiết kế đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật và an toàn. Kho chứa rác thải sinh hoạt được xây dựng với kết cấu BTCT, ốp gạch chân tường 1,5m, mái lợp tôn, cửa kéo bằng sắt, có trang thiết bị, dụng cụ và vật liệu phòng cháy, chữa cháy. Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý đúng quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP./.

Phụ lục 4**YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND
ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)

A. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG: Không

B. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, các nội dung cam kết trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.